



HTTT-2021 - tong hop cau hoi va dap an trac nghiem HTTTQL

hệ thống thông tin quản lý (Đại học Kinh tế Quốc dân)

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

PHẦN I: TỔNG QUAN CHUNG

Câu 1 *Tất cả các liệt kê sau đây đều là thành phần của một HTTP, trừ*

- a) Phần mềm
- b) **Văn hóa.**
- c) Phần cứng
- d) Thủ tục

Câu 1. *Hệ điều hành Windows 7 là một ví dụ về thành phần _____ của một HTTP*

- a) **Phần mềm.**
- b) Phần cứng
- c) Dữ liệu
- d) Thủ tục

Câu 2. *Một mạng xương sống để kết nối các mạng cục bộ của một tổ chức với nhau, kết nối với mạng diện rộng và mạng Internet là một ví dụ về thành phần _____ của một HTTP*

- a) **Phần cứng.**
- b) Phần mềm
- c) Dữ liệu
- d) Thủ tục

Câu 3. *Một giao thức an toàn hệ thống máy tính (computer security protocol) dùng để đăng nhập là một ví dụ về thành phần _____ của HTTP.*

- a) Phần cứng
- b) Phần mềm
- c) Dữ liệu
- d) **Thủ tục.**

Câu 4. *Mã khách hàng và họ tên khách hàng là ví dụ về thành phần _____ của một HTTP quản lý đơn hàng*

- a) Phần cứng
- b) Phần mềm
- c) **Dữ liệu.**
- d) Thủ tục

Câu 5. *Những bản nhạc được tải về từ một trang chia sẻ âm nhạc là ví dụ minh họa về thành phần _____ của một HTTP*

- a) Phần cứng
- b) **Phần mềm**
- c) Dữ liệu.
- d) Thủ tục

Câu 6. *Khẳng định nào sau đây là đúng đối với phát triển và sử dụng HTTP là*

- a) Cán bộ nghiệp vụ (không chuyên về công nghệ) không cần có hiểu biết về phát triển HTTT
- b) Chỉ các chuyên gia về CNTT tham gia vào quá trình phát triển HTTT
- c) Trách nhiệm chính trong quá trình phát triển một HTTT thuộc về các lập trình viên
- d) **Cán bộ nghiệp vụ cần phải có hiểu biết về các yêu cầu về mặt dữ liệu và các tiến trình nghiệp vụ liên quan.**

Câu 7. Quá trình _____ chuyển dịch công việc từ con người sang máy tính.

- a) **tự động hóa.**
- b) tích hợp
- c) quản lý
- d) tác nghiệp

Câu 8. Hoạt động nào sau đây là thử thách nhất đối với một tổ chức doanh nghiệp

- a) Mua sắm, phát triển các chương trình mới
- b) Tạo các CSDL mới hoặc cập nhật các CSDL hiện có
- c) **Thay đổi các quy trình thủ tục, thay đổi phương thức làm việc của người sử dụng.**
- d) Đặt mua và cài đặt các thiết bị phần cứng mới

Câu 9. Tìm giá trị trung bình của một bộ các giá trị đơn lẻ là một ví dụ về kết xuất _____ từ _____.

- a) tập con; tập lớn
- b) **thông tin; dữ liệu.**
- c) tri thức; thông tin
- d) dữ liệu; thông tin

Câu 10. Điểm nào sau đây không phải là đặc tính của thông tin có chất lượng?

- a) **Trao đổi được.**
- b) Có liên quan
- c) Đúng thời điểm
- d) Chính xác

Câu 11. Khẳng định nào sau đây phản ánh nguyên tắc quản trị thông tin

- a) **Thông tin cần và chỉ cần vừa đủ (không thừa, không thiếu).**
- b) Thông tin cần được biểu diễn ở dạng đồ họa
- c) Thông tin và dữ liệu cần lưu trữ tách rời nhau
- d) Càng nhận nhiều thông tin, càng cần phải bỏ qua thông tin nhiều hơn

Câu 12. Thành phần nào sau đây của HTTT là yếu tố phi công nghệ?

- a) Phần cứng
- b) Dữ liệu
- c) **Thủ tục.**

d) Phần mềm

PHẦN II: CÁC CNTT

Câu 13. Lựa chọn nào sau đây là ví dụ về phương tiện lưu trữ có thể ghi và xóa nhiều lần

- a) CD-ROM
- b) DVD-R
- c) **CD-RW.**
- d) DVD+R

Câu 14. Lựa chọn nào sau đây là ví dụ về phương tiện lưu trữ có thể không thể ghi và xóa nhiều lần

- e) CD-ROM
- f) DVD-R
- g) **CD+R**
- h) DVD+R

Câu 15.

Câu 16. Phần cứng bao gồm tất cả, trừ _____.

- a) **Hệ điều hành.**
- b) Máy in
- c) Màn hình
- d) Bộ xử lý trung tâm

Câu 17. Một _____ tương đương 1024 GB.

- a) gigabyte
- b) **terabyte.**
- c) kilobyte
- d) megabyte

Câu 18. Ứng dụng nào sau đây thường sử dụng các tệp tuần tự?

- a) **Ứng dụng xử lý lương theo lô.**
- b) Hệ thống đặt vé máy bay
- c) Trình duyệt Web
- d) Hệ thống xử lý giao dịch trực tuyến

Câu 19. Hoạt động nào sau đây không liên quan đến máy chủ?

- a) xử lý email
- b) xử lý các trang web
- c) **xử lý văn bản.**
- d) xử lý các CSDL lớn, chia sẻ cho nhiều người dùng

Câu 20. Lý do chính của việc nối mạng các máy tính và các thiết bị liên quan?

- a) Chia sẻ các nguồn lực công nghệ
- b) Chia sẻ dữ liệu
- c) Tăng cường khả năng Marketing
- d) **Tất cả các lựa chọn trên.**

Câu 21. Một ví dụ về ngôn ngữ truy vấn tin dùng để truy vấn thông tin trong một CSDL là:

- a) **SQL.**
- b) ASP
- c) XML
- d) PHP

PHẦN III: CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN DƯỚI GÓC ĐỘ QUẢN LÝ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

Câu 22. B2C _____.

- a) **xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa công ty và khách lẻ.**
- b) xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa các công ty
- c) xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa công ty và chính phủ
- d) xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa các chính phủ

Câu 23. Trong mô hình TMĐT B2G, công ty bán hàng hóa cho _____.

- a) một nhóm các công ty
- b) một nhóm khách lẻ
- c) **chính phủ.**
- d) các công ty khác

Câu 24. Quyết định được xác định theo một trình tự thủ tục xác định được gọi là quyết định

- a) **có cấu trúc.**
- b) không có cấu trúc
- c) không có tài liệu
- d) bán cấu trúc

Câu 25. Tính lương cho công nhân được xếp vào phạm trù ra quyết định

- a) **có cấu trúc.**
- b) không có cấu trúc
- c) không có tài liệu
- d) bán cấu trúc

Câu 26. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- a) Phát triển HTTT chỉ đề cập đến ba thành phần: phần cứng, phần mềm và dữ liệu
- b) Phát triển HTTT có phạm vi hẹp hơn rất nhiều so với phát triển các chương trình
- c) Phát triển HTTT là một hoạt động thuần túy mang tính kỹ thuật
- d) **Phát triển HTTT đòi hỏi có sự phối hợp làm việc nhóm giữa chuyên gia HTTT và người sử dụng, những người có tri thức và hiểu biết về nghiệp vụ.**

Câu 27. Một trong những nhiệm vụ của chuyên gia phân tích HTTT là _____.

- a) **Làm việc với người sử dụng để xác định các yêu cầu hệ thống.**
- b) Sửa chữa các thiết bị máy tính
- c) Thiết kế và viết các chương trình máy tính
- d) Viết tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình

Câu 28. _____ giúp người sử dụng giải quyết các vấn đề và thực hiện công việc đào tạo người sử dụng

- a) Phân tích viên hệ thống
- b) Quản trị mạng
- c) **Bộ phận hỗ trợ người sử dụng.**
- d) Kỹ sư thử nghiệm chương trình phần mềm

PHẦN IV: CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH

Câu 29. Tất cả đều là hoạt động cơ bản trong chuỗi cung cấp, trừ:

- a. hậu cần đầu vào
- b. **quản trị nguồn nhân lực.**
- c. sản xuất tác nghiệp
- d. dịch vụ sau bán hàng

Câu 30. là một ví dụ về hoạt động chính trong chuỗi cung cấp ?

- a. **Xử lý đơn hàng tự động.**
- b. Thiết kế có trợ giúp của máy tính
- c. Lập kế hoạch nhân sự tự động
- d. Mua sắm phụ tùng trực tuyến

Câu 31. Quản trị quan hệ khách hàng cho phép doanh nghiệp

- A) xác định và nhắm tới các khách hàng tiềm năng nhất
- B) tùy chỉnh và cá nhân hóa sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng
- C) áp dụng kinh nghiệm chăm sóc và dịch vụ khách hàng có chất lượng cao cho mọi điểm giao dịch
- D) **Cả A, B và C đều đúng.**

Câu 32. Tất cả các thuật ngữ sau đây đều tương đương với thuật ngữ TMĐT, trừ:

- A) Thương mại trực tuyến
- B) Thương mại điều khiển học
- C) **Kinh doanh các mặt hàng điện tử .**
- D) Thương mại không giấy tờ

Câu 33. Trình tự các công đoạn chính của TMĐT là:

- A) Đặt hàng, thanh toán, thông tin, giao hàng, hỗ trợ sau bán hàng
- B) **Thông tin, đặt hàng, thanh toán, giao hàng, hỗ trợ sau bán hàng.)**
- C) Thông tin, đặt hàng, thanh toán, giao hàng, kiểm tra mức tồn kho
- D) Đặt hàng, giao hàng, thanh toán, thông tin, hỗ trợ sau bán hàng

Câu 34. Tất cả đều là ứng dụng thành phần trong hệ thống quản trị quan hệ khách hàng, trừ

- A) Duy trì và tôn vinh khách hàng trung thành
- B) Marketing và đáp ứng đơn hàng
- C) **Lựa chọn nhà cung cấp NVL và thương thảo giá cả.**
- D) Quản trị thông tin liên hệ và giao dịch khách hàng

Câu 35. Hệ thống JIT (Just - In - Time) là một ví dụ về

- A) hệ thống thông tin sản xuất mức tác nghiệp
- B) hệ thống thông tin sản xuất mức chiến thuật.**
- C) hệ thống thông tin sản xuất mức chiến lược
- D) hệ thống thông tin quản lý tiến độ sản xuất

Câu 36. Trong quản lý sản xuất, MRP là viết tắt của

- A) Material Request Plan
- B) Material Requirement Production
- C) Material Requirement Planning.**
- D) Material Request Production

Câu 37. Tất cả đều là phần mềm hỗ trợ hoạt động Marketing, trừ

- A) Phần mềm trợ giúp nhân viên bán hàng
- B) Phần mềm trợ giúp quản lý các nhân viên bán hàng
- C) Phần mềm trợ giúp quản lý chương trình bán hàng qua điện thoại
- D) Phần mềm MRP.**

PHẦN V: PHÁT TRIỂN CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC

Câu 38. Chi phí phát triển HTTT bao gồm _____

- a) chi phí bảo trì phần cứng
- b) chi phí bảo trì phần mềm
- c) chi phí chuyển đổi dữ liệu.**
- d) chi phí nhân công sử dụng hệ thống

Câu 39. Thử nghiệm hệ thống là trách nhiệm:

- a. của cả người sử dụng và chuyên gia phân tích hệ thống.**
- b. của riêng người sử dụng
- c. của riêng chuyên gia phân tích hệ thống
- d. của bên thứ ba

Câu 40. Hạn chế của việc mua phần mềm có sẵn so với việc tự phát triển phần mềm là

- a. Đắt hơn
- b. Phần mềm mua sẵn hiếm khi đáp ứng nhu cầu đặc thù của tổ chức.**
- c. Cần nhiều thời gian hơn cho việc triển khai vì tính phức tạp của phần mềm
- d. Không có tài liệu kèm theo

Câu 41. Lợi ích của HTTT bao gồm:

- a) Lợi ích vô hình
- b) Lợi ích hữu hình
- c) Cả a và b.**
- d) Cả a và b đều không đúng

Câu 42. Phát triển HTTT bao gồm các giai đoạn theo trình tự sau:

- a) Phân tích, thiết kế, thử nghiệm, lập trình, chuyển đổi hệ thống, khai thác & bảo trì hệ thống
- b) Phân tích, thiết kế, thử nghiệm, lập trình, khai thác & bảo trì hệ thống, chuyển đổi hệ thống
- c) Phân tích, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, khai thác & bảo trì hệ thống, chuyển đổi hệ thống
- d) **Phân tích, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, chuyển đổi hệ thống, khai thác & bảo trì hệ thống.**

Câu 43. Các hoạt động chính của giai đoạn thiết kế HTTT bao gồm :

- a) Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL và thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng
- b) **Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL và thiết kế logic xử lý.**
- c) Thiết kế CSDL, thiết kế logic xử lý và thiết kế biểu mẫu nhập liệu
- d) Thiết kế logic xử lý, thiết kế báo cáo đầu ra và thiết kế CSDL

Câu 44. Các chiến lược chuyển đổi HTTT bao gồm:

- a) Chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi song song, chuyển đổi một lần và chuyển đổi theo pha
- b) **Chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi song song, chuyển đổi theo pha và chuyển đổi thí điểm.**
- c) Chuyển đổi theo pha, chuyển đổi thí điểm, chuyển đổi trực tiếp và chuyển đổi nhiều lần
- d) Chuyển đổi song song, chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi thí điểm và chuyển đổi tạm thời

Câu 45. Để giảm thiểu sự phản ứng của người sử dụng khi triển khai HTTT, các tổ chức có thể áp dụng các chiến lược sau:

- a) Lập kế hoạch và triển khai tốt hoạt động đào tạo người sử dụng
- b) Xây dựng giao diện mang tính thân thiện, dễ dùng đối với người sử dụng
- c) Phát huy tối đa vai trò của người sử dụng trong quá trình phát triển HTTT
- d) **Cả a, b và c.**

Câu 46. _____ là các chuyên gia HTTT có kiến thức cả về công nghệ và nghiệp vụ.

- A) Kỹ sư phần mềm
- B) Cán bộ quản trị cơ sở dữ liệu**
- C) Cán bộ quản lý dự án
- D) Cán bộ phân tích hệ thống.

Câu 47. Khi một doanh nghiệp chỉ cài đặt và thử nghiệm một phần của hệ thống mới, sau đó lặp lại việc cài đặt và thử nghiệm từng phần của hệ thống mới cho tới khi hoàn tất toàn bộ hệ thống, được gọi là chuyển đổi _____.

- A) thử nghiệm

- B) theo pha.
- C) song song
- D) trực tiếp

Câu 48. Theo dõi những vấn đề trực trực cũng như các yêu cầu đặt ra đối với hệ thống mới, được thực hiện ở giai đoạn _____ của vòng đời phát triển HTTT.

- A) triển khai
- B) bảo trì.**
- C) phân tích yêu cầu
- D) thiết kế

CHƯƠNG VI: QUẢN TRỊ CÁC NGUỒN LỰC HỆ THỐNG THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC

Câu 49. Tội phạm điện tử

- A) là dạng tội phạm nhắm tới các máy tính điện tử
- B) là dạng tội phạm nhắm tới các hệ thống mạng điện tử
- C) là dạng tội phạm có sử dụng máy tính hoặc một phương tiện điện tử trong quá trình thực hiện tội phạm .**
- D) Cả A và B

Câu 50. Các công nghệ an toàn thông tin bao gồm

- A) tường lửa và máy chủ Proxy, mã hóa và mạng riêng ảo
- B) xác thực định danh và hệ thống quản trị truy cập
- C) công cụ lọc nội dung, công cụ kiểm tra thâm nhập
- D) cả A, B, và C đều đúng.**

Câu 51. Mục tiêu của Phó giám đốc an toàn thông tin (CISO) là

- A) xác định và xếp hạng khẩn cấp tất cả các rủi ro liên quan
- B) loại trừ tất cả các rủi ro có thể loại trừ được với chi phí đầu tư hợp lý
- C) loại trừ tất cả các rủi ro thông tin
- D) cả A và B đều đúng.

1/”Khả năng kiểm soát, cảnh báo lỗi, tránh rủi ro” thuộc về yếu tố đánh giá phần cứng

nào sau đây khi mua sắm?(Phần cứng-trang 76)

Năng lực làm việc

Tính tin cậy

Chi phí

Tính tương thích

4/Một ví dụ về ngôn ngữ truy vấn tin dùng để truy vấn thông tin trong một CSDL là ☺

(Quản trị các nguồn dữ liệu-trang115)

SQL.

PHP
ASP
XML.

5/Mạng có cấu hình đơn giản nhất với một đường trục và tất cả các thiết bị mạng chia sẻ đường trục này thuộc loại cấu hình nào?

Bus Topology

Star Topology

Ring Topology

Mesh Topology

1/”Khả năng kiểm soát, cảnh báo lỗi, tránh rủi ro” thuộc về yếu tố đánh giá phần cứng nào sau đây khi mua sắm?(Phần cứng-trang 76)

Năng lực làm việc

Tính tin cậy

Chi phí

Tính tương thích

2/Các hệ thống thông tin xử lý đơn đặt hàng hay hệ thống thông tin xử lý đặt chỗ trong khách sạn là các HTTT quản lý. Đúng hay sai?(Hệ thống xử lý giao dịch-trang178)

Đúng

Sai (HT xử lý giao dịch)

3/Những bản nhạc được tải về từ trang web chia sẻ âm nhạc là ví dụ về thành phần nào của một

HTTT?

Phần cứng

Dữ liệu

Phần mềm

Thủ tục

4/Một ví dụ về ngôn ngữ truy vấn tin dùng để truy vấn thông tin trong một CSDL là ☺(Quản trị các nguồn dữ liệu-trang115)

SQL.

PHP

ASP

XML.

5/Mạng có cấu hình đơn giản nhất với một đường trục và tất cả các thiết bị mạng chia sẻ đường trục này thuộc loại cấu hình nào?(Chương 6: Mạng-trang152)

Bus Topology

Star Topology

Ring Topology

Mesh Topology

6/Lựa chọn nào sau đây là ví dụ về phương tiện lưu trữ có thể ghi và xóa nhiều lần

CD-RW.

DVD-R.

CD-ROM.

DVD+R.

7/Dữ liệu được tập hợp lại và xử lý định kỳ được gọi là phương pháp Xử lý theo lô. Đúng hay sai?

Đúng(Chương7: HT xử lý giao dịch(chế độ xử lý gd) trang 175)

Sai

8/Mạng hỗn hợp còn được gọi là mạng phân cấp, với thiết bị cao nhất là một máy tính lớn, được kết nối đến các thiết bị ở mức tiếp theo là các bộ kiểm soát. Các thiết bị kiểm soát lại được kết nối với các thiết bị đầu cuối hoặc với các máy vi tính hoặc với máy in. Đúng hay sai?(Chương6:Các loại mạng trang 152)

Sai(mạng hình cây)

đúng

9/Thiết bị chuyển đổi tín hiệu số từ máy tính thành tín hiệu tương tự cho kênh tương tự và ngược lại được gọi là MODEM. Đúng hay sai?(chương6:các yếu tố cấu thành mạng viễn thông-trang148)

đúng

sai

10/Hạn chế của việc mua phần mềm có sẵn so với việc tự phát triển phần mềm là:

Cần nhiều thời gian hơn cho việc triển khai vì tính phức tạp của phần mềm

Không có tài liệu kèm theo

Phần mềm mua sẵn hiếm khi đáp ứng nhu cầu đặc thù của tổ chức

Đắt hơn

1/Ứng dụng nào sau đây thường sử dụng các tệp tuần tự?

Trình duyệt Web

Ứng dụng xử lý lương theo lô

Hệ thống xử lý giao dịch trực tuyến

Hệ thống đặt vé máy bay

Question 1

Trong quản lý sản xuất, MRP là viết tắt của:

Select one:

- ☒ a. Material Requirement Planning
- ☐ b. Material Request Production
- ☐ c. Material Request Plan
- ☐ d. Material Requirement Production

Question 2

Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc tính của thông tin có chất lượng?

Select one:

- ☐ a. Đúng thời điểm
- ☐ b. Có liên quan
- ☐ c. Chính xác
- ☒ d. Trao đổi được

Question 3

Lựa chọn nào sau đây là ví dụ về phương tiện lưu trữ có thể ghi và xóa nhiều lần:

Select one:

- ☐ a. DVD-R
- ☐ b. CD-ROM
- ☐ c. DVD+R
- ☒ d. CD-RW

Question 4**Question text**

Tìm giá trị trung bình của một bộ các giá trị đơn lẻ là một ví dụ về kết xuất _____ từ _____.

Select one:

- ☐ a. Dữ liệu; thông tin
- ☒ b. Thông tin; dữ liệu
- ☐ c. Tri thức; thông tin
- ☐ d. Tập con; tập lớn

Question 5

Quá trình _____ chuyển dịch công việc từ con người sang máy tính:

Select one:

- ☒ a. Tự động hóa
- ☐ b. Tích hợp
- ☐ c. Quản lý
- ☐ d. Tác nghiệp

Question 6

Chức năng hỗ trợ các hoạt động quản lý ở các lĩnh vực phát triển sản phẩm, phân phối và định giá sản phẩm, đánh giá hiệu quả khuyến mại và dự báo bán hàng là của:

Select one:

- ☐ a. Hệ thống thông tin tài chính
- ☒ b. Hệ thống thông tin Marketing
- ☐ c. Hệ thống thông tin sản xuất
- ☐ d. Hệ thống thông tin quản trị nhân lực

Question 7

Một giao thức an toàn hệ thống máy tính (computer security protocol) dùng để đăng nhập là một ví dụ về thành phần _____ của HTTP:

Select one:

- ☐ a. Phần cứng
- ☐ b. Phần mềm
- ☒ c. Thủ tục
- ☐ d. Dữ liệu

Question 8

Dữ liệu được tập hợp lại và xử lý định kỳ được gọi là “phương pháp xử lý theo lô”, đúng hay sai?

Select one:

- ☒ a. Đúng
- ☐ b. Sai

Question 9

Các quyết định được tạo ra theo quy trình có thể được xác định trước nhưng không đủ để làm quyết định được gọi là:

Select one:

- ☒ a. Quyết định bán cấu trúc (Semi Structured Decision)
- ☐ b. Không có phương án nào đúng
- ☐ c. Quyết định phi cấu trúc (Unstructured Decision)
- ☐ d. Quyết định có cấu trúc (Structured Decision)

Question 10

Trong mô hình TMĐT B2G, công ty bán hàng hóa cho _____:

Select one:

- ☐ a. Một nhóm các công ty
- ☒ b. Chính phủ
- ☐ c. Một nhóm khách lẻ
- ☐ d. Các công ty khác

Question 11

DSS sử dụng các mô hình phân tích, các CSDL riêng biệt, các tư tưởng và đánh giá của nhà quản lý để tin học hóa các mô hình tương hỗ giúp các nhà quản lý ra các quyết định phi cấu trúc hoặc nửa cấu trúc. Hệ thống này có khả năng trợ giúp trực tiếp các dạng quyết định đặc trưng, các kiểu quyết định, các nhu cầu riêng biệt của mỗi nhà quản lý:

Select one:

- ☐ a. Sai
- ☒ b. Đúng

Question 12

Các công nghệ an toàn thông tin bao gồm :

Select one:

- ☐ a. Công cụ lọc nội dung, công cụ kiểm tra thâm nhập
- ☐ b. Xác thực định danh và hệ thống quản trị truy cập
- ☒ c. Cả A, B, và C đều đúng
- ☐ d. Tường lửa và máy chủ Proxy, mã hóa và mạng riêng ảo

Question 13

Hệ thống thông tin phân tích và thiết kế công việc thuộc loại hệ thống thông tin quản trị nhân lực cấp:

Select one:

- ☐ a. Giao dịch
- ☐ b. Tác nghiệp
- ☐ c. Chiến lược
- ☒ d. Chiến thuật

Question 14

Hạn chế của việc mua phần mềm có sẵn so với việc tự phát triển phần mềm là:

Select one:

- ☒ a. Phần mềm mua sẵn hiếm khi đáp ứng nhu cầu đặc thù của tổ chức
- ☐ b. Không có tài liệu kèm theo
- ☐ c. Cần nhiều thời gian hơn cho việc triển khai vì tính phức tạp của phần mềm
- ☐ d. Đắt hơn

Question 15

Correct

Các chiến lược chuyển đổi HTTT bao gồm:

Select one:

- ☐ a. Chuyển đổi song song, chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi thí điểm và chuyển đổi tạm thời
- ☐ b. Chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi song song, chuyển đổi một lần và chuyển đổi theo pha
- ☐ c. Chuyển đổi theo pha, chuyển đổi thí điểm, chuyển đổi trực tiếp và chuyển đổi nhiều lần
- ☒ d. Chuyển đổi trực tiếp, chuyển đổi song song, chuyển đổi theo pha và chuyển đổi thí điểm

Question 16

_____ giúp người sử dụng giải quyết các vấn đề và thực hiện công việc đào tạo người sử dụng:

Select one:

- ☐ a. Quản trị mạng
- ☒ b. Bộ phận hỗ trợ người sử dụng
- ☐ c. Phân tích viên hệ thống
- ☐ d. Kỹ sư thử nghiệm chương trình phần mềm

Question 17

Hỗ trợ phân chia nguồn nhân lực và kiểm tra kế hoạch sản xuất là một trong các mục đích của:

Select one:

- ☐ a. Hệ thống thông tin Marketing
- ☐ b. Hệ thống thông tin tài chính
- ☒ c. Hệ thống thông tin sản xuất
- ☐ d. Hệ thống thông tin quản trị nhân lực

Question 18

Hoạt động nào sau đây không liên quan đến máy chủ?

Select one:

- ☐ a. Xử lý các trang Web
- ☒ b. Xử lý văn bản
- ☐ c. Xử lý email
- ☐ d. Xử lý các CSDL lớn, chia sẻ cho nhiều người dùng

Question 19

Tất cả các thuật ngữ sau đây đều tương đương với thuật ngữ TMĐT, trừ:

Select one:

- ☐ a. Thương mại trực tuyến
- ☒ b. Kinh doanh các mặt hàng điện tử
- ☐ c. Thương mại không giấy tờ
- ☐ d. Thương mại điều khiển học

Question 20

Tất cả đều là hoạt động cơ bản trong chuỗi giá trị, trừ:

Select one:

- ☐ a. Hậu cần đầu vào
- ☐ b. Dịch vụ sau bán hàng
- ☐ c. Sản xuất tác nghiệp
- ☒ d. Quản trị nguồn nhân lực

Question 21

Mã khách hàng và họ tên khách hàng là ví dụ về thành phần _____ của một HTTT quản lý đơn hàng:

Select one:

- ☐ a. Phần mềm
- ☒ b. Dữ liệu
- ☐ c. Phần cứng
- ☐ d. Thủ tục

Question 22

Thành phần nào sau đây của HTTT là yếu tố phi công nghệ?

Select one:

- ☐ a. Dữ liệu
- ☐ b. Phần cứng
- ☒ c. Thủ tục
- ☐ d. Phần mềm

Question 23

Tất cả đều là phần mềm hỗ trợ hoạt động Marketing, trừ:

Select one:

- ☒ a. Phần mềm MRP

- ☐ b. Phần mềm trợ giúp nhân viên bán hàng
- ☐ c. Phần mềm trợ giúp quản lý chương trình bán hàng qua điện thoại
- ☐ d. Phần mềm trợ giúp quản lý các nhân viên bán hàng

Question 24

Phân tích các điều kiện tài chính của tổ chức và xác định tính xác thực của các báo cáo tài chính do HTTT tài chính cung cấp cho:

Select one:

- ☐ a. Phân hệ quyết toán thu nhập và chi phí
- ☐ b. Phân hệ sử dụng và quản lý quỹ
- ☒ c. Phân hệ kiểm toán
- ☐ d. Phân hệ dự báo tài chính

Question 25

Việc trợ giúp cho quá trình quản lý hàng dự trữ và kiểm tra chất lượng các yếu tố đầu vào/ đầu ra của quá trình sản xuất là một trong các mục đích của:

Select one:

- ☒ a. Hệ thống thông tin sản xuất
- ☐ b. Hệ thống thông tin Marketing
- ☐ c. Hệ thống thông tin tài chính
- ☐ d. Hệ thống thông tin quản trị nhân lực

Question 26

Khi một doanh nghiệp chỉ cài đặt và thử nghiệm một phần của hệ thống mới, sau đó lặp lại việc cài đặt và thử nghiệm từng phần của hệ thống mới cho tới khi hoàn tất toàn bộ hệ thống, được gọi là chuyển đổi:

Select one:

- ☐ a. Trực tiếp
- ☐ b. Song song
- ☒ c. Theo pha
- ☐ d. Thử nghiệm

Question 27

Hệ điều hành Window là một ví dụ về thành phần _____ của một HTTT:

Select one:

- ☐ a. Phần cứng
- ☐ b. Thủ tục
- ☐ c. Dữ liệu
- ☒ d. Phần mềm

Question 28

Loại quyết định tính tổng lương theo giờ cho người lao động là quyết định:

Select one:

- ☐ a. Bán cấu trúc
- ☐ b. Không có điều nào ở trên
- ☐ c. Phi cấu trúc
- ☒ d. Có cấu trúc

Question 29

Dữ liệu được xử lý ngay tại thời điểm xảy ra giao dịch được gọi là phương pháp “Xử lý theo thời gian thực/xử lý trực tuyến”, đúng hay sai?

Select one:

- ☒ a. Đúng
- ☐ b. Sai

Question 30

Hệ thống thông tin lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực thuộc loại hệ thống thông tin quản trị nhân lực cấp:

Select one:

- ☐ a. Tác nghiệp
- ☐ b. Giao dịch
- ☒ c. Chiến lược
- ☐ d. Chiến thuật

Question 31

Trình tự các công đoạn chính của TMĐT là:

Select one:

- ☐ a. Thông tin, đặt hàng, thanh toán, giao hàng, kiểm tra mức tồn kho
- ☒ b. Thông tin, đặt hàng, thanh toán, giao hàng, hỗ trợ sau bán hàng
- ☐ c. Đặt hàng, thanh toán, thông tin, giao hàng, hỗ trợ sau bán hàng
- ☐ d. Đặt hàng, giao hàng, thanh toán, thông tin, hỗ trợ sau bán hàng

Question 32

Một ví dụ về ngôn ngữ truy vấn dùng để truy vấn thông tin trong một CSDL là:

Select one:

- ☒ a. SQL
- ☐ b. ASP
- ☐ c. PHP
- ☐ d. XML

Question 33

Để giảm thiểu sự phản ứng của người sử dụng khi triển khai HTTP, các tổ chức có thể áp dụng các chiến lược sau:

Select one:

- ☐ a. Lập kế hoạch và triển khai tốt hoạt động đào tạo người sử dụng
- ☐ b. Phát huy tối đa vai trò của người sử dụng trong quá trình phát triển HTTP

- ☐ c. Xây dựng giao diện mang tính thân thiện, dễ dùng đối với người sử dụng
- ☒ d. Cả a, b và c

Question 34

Tất cả đều là ứng dụng thành phần trong hệ thống quản trị quan hệ khách hàng, trừ:

Select one:

- ☐ a. Marketing và đáp ứng đơn hàng
- ☐ b. Quản trị thông tin liên hệ và giao dịch khách hàng
- ☐ c. Duy trì và tôn vinh khách hàng trung thành
- ☒ d. Lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu và thương thảo giá cả

Question 35

Đâu là hệ thống thông tin dựa trên máy tính trợ giúp việc ra các quyết định phi cấu trúc hoặc nửa cấu trúc trong quản lý của một tổ chức bằng các kết hợp dữ liệu với các công cụ, các mô hình phân tích và cung cấp sự trợ giúp qua lại giữa người quản lý và hệ thống trong quá trình ra quyết định:

Select one:

- ☐ a. ESS
- ☒ b. DSS
- ☐ c. MIS
- ☐ d. TPS

Question 36

Chức năng lưu trữ và theo dõi dữ liệu về chi phí và lợi nhuận của tổ chức thuộc về:

Select one:

- ☐ a. Phân hệ kiểm toán
- ☒ b. Phân hệ quyết toán thu nhập và chi phí
- ☐ c. Phân hệ dự báo tài chính
- ☐ d. Phân hệ sử dụng và quản lý quỹ

Question 37

Thử nghiệm hệ thống là trách nhiệm của:

Select one:

- ☐ a. Của riêng chuyên gia phân tích hệ thống
- ☐ b. Của riêng người sử dụng
- ☒ c. Của cả người sử dụng và chuyên gia phân tích hệ thống
- ☐ d. Của bên thứ ba

Question 38

Hệ thống JIT (Just - In - Time) là một ví dụ về :

Select one:

- ☐ a. Hệ thống thông tin quản lý tiến độ sản xuất
- ☒ b. Hệ thống thông tin sản xuất mức tác nghiệp

- ☐ c. Hệ thống thông tin sản xuất mức chiến lược
- ☒ d. Hệ thống thông tin sản xuất mức chiến thuật

Question 39

B2C là _____:

Select one:

- ☒ a. Xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa công ty và khách lẻ
- ☐ b. Xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa các chính phủ
- ☐ c. Xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa công ty và chính phủ
- ☐ d. Xử lý các giao dịch mua bán hàng hóa giữa các công ty

Question 40

Hệ thống thông tin quản lý chủ yếu dựa vào CSDL được tạo ra bởi:

Select one:

- ☐ a. Các nguồn dữ liệu bên ngoài tổ chức
- ☐ b. Các hệ thống thông tin quản trị nhân lực của tổ chức
- ☐ c. Các hệ thống kế toán của tổ chức
- ☒ d. Các hệ xử lý giao dịch và các nguồn dữ liệu từ bên ngoài tổ chức

Question 41

_____ là các chuyên gia HTTT có kiến thức cả về công nghệ và nghiệp vụ:

Select one:

- ☐ a. Cán bộ quản lý dự án
- ☐ b. Cán bộ quản trị cơ sở dữ liệu
- ☐ c. Kỹ sư phần mềm
- ☒ d. Cán bộ phân tích hệ thống

Question 42

Hoạt động nào sau đây là thử thách nhất đối với một tổ chức doanh nghiệp?

Select one:

- ☐ a. Đặt mua và cài đặt các thiết bị phần cứng mới
- ☐ b. Mua sắm, phát triển các chương trình mới
- ☒ c. Thay đổi các quy trình thủ tục, thay đổi phương thức làm việc của người sử dụng
- ☐ d. Tạo các CSDL mới hoặc cập nhật các CSDL hiện có

Question 43

Khẳng định nào sau đây là đúng?

Select one:

- ☐ a. Phát triển HTTT chỉ đề cập đến ba thành phần: phần cứng, phần mềm và dữ liệu
- ☒ b. Phát triển HTTT là một hoạt động thuần túy mang tính kỹ thuật

- ☒ c. Phát triển HTTT đòi hỏi có sự phối hợp làm việc nhóm giữa chuyên gia HTTT và người sử dụng, những người có tri thức và hiểu biết về nghiệp vụ
- ☐ d. Phát triển HTTT có phạm vi hẹp hơn rất nhiều so với phát triển các chương trình

Question 44

Một trong những nhiệm vụ của chuyên gia phân tích HTTT là _____:
Select one:

- ☐ a. Thiết kế và viết các chương trình máy tính
- ☐ b. Viết tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình
- ☐ c. Sửa chữa các thiết bị máy tính
- ☒ d. Làm việc với người sử dụng để xác định các yêu cầu hệ thống

Question 45

Chức năng trao đổi thông tin với nhà phân phối về mức tồn kho, tình trạng đơn hàng, lịch cung ứng sản phẩm là một trong các chức năng chính của hệ thống quản trị chuỗi cung cấp:

Select one:

- ☐ a. Sai
- ☒ b. Đúng

Question 46

Lợi ích của HTTT bao gồm:

Select one:

- ☐ a. Cả a và b đều không đúng
- ☐ b. Lợi ích vô hình
- ☒ c. Cả a và b
- ☐ d. Lợi ích hữu hình

Question 47

Dữ liệu được tập hợp lại và xử lý định kỳ được gọi là “phương pháp xử lý theo thời gian thực”, đúng hay sai?

Select one:

- ☒ a. Sai
- ☐ b. Đúng

Question 48

Theo dõi những vấn đề trục trặc cũng như các yêu cầu đặt ra đối với hệ thống mới, được thực hiện ở giai đoạn _____ của vòng đời phát triển HTTT:

Select one:

- ☐ a. Thiết kế
- ☐ b. Phân tích yêu cầu
- ☐ c. Triển khai
- ☒ d. Bảo trì

Question 49

Chức năng dự báo tăng trưởng của các sản phẩm, dự báo nhu cầu dòng tiền là của:

Select one:

- ☐ a. Phân hệ kiểm toán
- ☒ b. Phân hệ dự báo tài chính
- ☐ c. Phân hệ sử dụng và quản lý quỹ
- ☐ d. Phân hệ quyết toán thu nhập và chi phí

Question 50

Tất cả các liệt kê sau đây đều là thành phần của một HTTT, trừ:

Select one:

- ☐ a. Phần mềm
- ☒ b. Văn hóa
- ☐ c. Thủ tục
- ☐ d. Phần cứng

Question 51

Khẳng định nào sau đây phản ánh nguyên tắc quản trị thông tin:

Select one:

- ☐ a. Càng nhận nhiều thông tin, càng cần phải bỏ qua thông tin nhiều hơn
- ☐ b. Thông tin và dữ liệu cần lưu trữ tách rời nhau
- ☐ c. Thông tin cần được biểu diễn ở dạng đồ họa
- ☒ d. Thông tin cần và chỉ cần vừa đủ (không thừa, không thiếu)

Question 52

Các hoạt động chính của giai đoạn thiết kế HTTT bao gồm:

Select one:

- ☐ a. Thiết kế CSDL, thiết kế logic xử lý và thiết kế biểu mẫu nhập liệu
- ☐ b. Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL và thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng
- ☒ c. Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL, thiết kế biểu mẫu báo cáo và thiết kế xử lý và logic
- ☐ d. Thiết kế logic xử lý, thiết kế báo cáo đầu ra và thiết kế CSDL

Question 53

Tính lương cho công nhân được xếp vào phạm trù ra quyết định

..... :

Select one:

- ☒ a. Có cấu trúc
- ☐ b. Bán cấu trúc
- ☐ c. Không có cấu trúc
- ☐ d. Không có tài liệu

Question 54

Các quyết định được tạo ra không có quy trình rõ ràng và không thể xác định được các thông tin liên quan đến nó thường xuyên được gọi là:

Select one:

- ☒ a. Quyết định phi cấu trúc (Unstructured Decision)
- ☐ b. Quyết định bán cấu trúc (Semi Structured Decision)
- ☐ c. Không có phương án nào đúng
- ☐ d. Quyết định có cấu trúc (Structured Decision)

Question 55

Phát triển HTTT bao gồm các giai đoạn theo trình tự sau:

Select one:

- ☐ a. Phân tích, thiết kế, thử nghiệm, lập trình, khai thác & bảo trì hệ thống, chuyển đổi hệ thống
- ☐ b. Phân tích, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, khai thác & bảo trì hệ thống, chuyển đổi hệ thống
- ☐ c. Phân tích, thiết kế, thử nghiệm, lập trình, chuyển đổi hệ thống, khai thác & bảo trì hệ thống
- ☒ d. Phân tích, thiết kế, lập trình, thử nghiệm, chuyển đổi hệ thống, khai thác & bảo trì hệ thống

Question 56

Các yếu tố như công nghệ, tính cạnh tranh trên thị trường, tính ổn định chính trị có ảnh hưởng đến việc ra quyết định trong một tổ chức:

Select one:

- ☒ a. Đúng
- ☐ b. Sai

Question 57

Quản trị quan hệ khách hàng cho phép doanh nghiệp:

Select one:

- ☐ a. Tùy chỉnh và cá nhân hóa sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng
- ☒ b. Cả A, B và C đều đúng
- ☐ c. Xác định và nhắm tới các khách hàng tiềm năng nhất
- ☐ d. Áp dụng kinh nghiệm chăm sóc và dịch vụ khách hàng có chất lượng cao cho mọi điểm giao dịch

Các câu hỏi trong đề thi 2019 - 2020

Câu 2 (0,5 điểm): Hệ thống thông tin xử lý giao dịch (TPS) có chức năng thực hiện và ghi lại các giao dịch hàng ngày nhằm phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp?

- a. **Đúng**
- b. Sai

Câu 5 (0,5 điểm): Chức năng dự báo nhu cầu dòng tiền là của:

- a. **Phân hệ dự báo tài chính**

- b. Phân hệ quyết toán thu nhập và chi phí
- c. Phân hệ kiểm toán
- d. Phân hệ sử dụng và quản lý quỹ

Câu 7 (0,5 điểm): Bạn sẽ sử dụng hệ thống thông tin nào để dự báo xu hướng kinh tế có thể ảnh hưởng đến công ty của bạn trong 5 năm tới?

- a. TPS
- b. MIS
- c. DSS
- d. **ESS**

Câu 8 (0,5 điểm): Thử nghiệm hệ thống là trách nhiệm của:

- a. **Của cả người sử dụng và chuyên gia phân tích hệ thống**
- b. Của riêng người sử dụng
- c. Của riêng chuyên gia phân tích hệ thống
- d. Của bên thứ ba

Câu 9 (0,5 điểm): Các hoạt động chính của giai đoạn thiết kế HTTT bao gồm:

- a. Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL và thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng
- b. **Thiết kế giao diện vào/ ra, thiết kế CSDL, thiết kế biểu mẫu báo cáo, thiết kế xử lý và logic**
- c. Thiết kế CSDL, thiết kế logic xử lý và thiết kế biểu mẫu nhập liệu
- d. Thiết kế logic xử lý, thiết kế báo cáo đầu ra và thiết kế CSDL

Câu 10 (0,5 điểm): ESS được thiết kế để phân tích dữ liệu thu thập từ các nguồn bên ngoài, nhưng cũng cần các thông tin được tổng hợp từ các hệ thống khác như TPS, MIS và DSS?

- a. **Đúng**
- b. Sai

Câu 11 (0,5 điểm): Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định (DSS) sử dụng thông tin nội bộ cũng như thông tin từ các nguồn bên ngoài?

- a. **Đúng**
- b. Sai

Câu 2 (0,5 điểm): Một giao thức an toàn hệ thống máy tính (computer security protocol) dùng để đăng nhập là một ví dụ về thành phần _____ của HTTT:

- c. Phần cứng
- d. Phần mềm
- e. Dữ liệu
- f. **Thủ tục**

Câu 4 (0,5 điểm): Tìm giá trị trung bình của một bộ các giá trị đơn lẻ là một ví dụ về kết xuất _____ từ _____.

- c. tập con; tập lớn
- d. **thông tin; dữ liệu**
- e. tri thức; thông tin
- f. dữ liệu; thông tin

Câu 5 (0,5 điểm): Hệ thống JIT (Just - In - Time) là một ví dụ về :

- a. hệ thống thông tin sản xuất mức tác nghiệp.
- b. **hệ thống thông tin sản xuất mức chiến thuật**
- c. hệ thống thông tin sản xuất mức chiến lược.
- d. hệ thống thông tin quản lý tiến độ sản xuất.

Câu 6 (0,5 điểm): Trong quản lý sản xuất, MRP là viết tắt của:

- a. Material Request Plan.
- b. **Material Requirement Production**

c. Material Requirement Planning

d. Material Request Production.

Câu 7 (0,5 điểm): Hầu hết các hệ thống thông tin quản lý sử dụng mô hình toán học hoặc kỹ thuật thống kê?

c. Đúng

d. Sai

Câu 9 (0,5 điểm): Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định sử dụng thông tin nội bộ cũng như thông tin từ các nguồn bên ngoài?

a) Đúng

b) Sai

Câu 1 (0,5 điểm): Bước khó khăn nhất của một quá trình ra quyết định là:

a. Tìm kiếm thông tin

b. Tiềm hiểu các mô hình hỗ trợ ra quyết định

c. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá

d. Tìm hiểu vấn đề cần giải quyết

Câu 2 (0,5 điểm): Khẳng định nào sau đây đúng với hệ hỗ trợ ra quyết định?

a. Có tính cấu trúc và khả năng tái sử dụng rất cao

b. Nguồn dữ liệu đầu vào do hệ thống thông tin hỗ trợ lãnh đạo cung cấp

c. Thường sử dụng dữ liệu đầu vào do các hệ thống TPS và MIS cung cấp

d. Chỉ sử dụng công cụ xử lý dữ liệu, không dùng đến các công cụ xử lý mô hình

Câu 3 (0,5 điểm): Các quyết định phi cấu trúc là bất thường, không theo quy tắc và không có quy trình rõ ràng hoặc thích hợp để thực hiện?

g. Đúng

h. Sai

Câu 4 (0,5 điểm): Để ra quyết định tốt, nhà quản lý nên:

a. Sử dụng mô hình “ra quyết định tập thể” vì đây là mô hình tốt nhất

b. Chọn mô hình ra quyết định đã thành công trước đó

c. Sử dụng mô hình tham vấn để ra quyết định

d. Xem xét nhiều yếu tố để lựa chọn mô hình ra quyết định phù hợp

Câu 5 (0,5 điểm): Hệ thống thông tin xử lý giao dịch (TPS) thường chứa _____ dữ liệu, _____ và _____
vậy nên _____ tự động hóa.

a. Nhiều, khác nhau, khó

b. Ít, có tính thủ tục, khó

c. Nhiều, có tính thủ tục, dễ

d. Nhiều, khác nhau, dễ

Câu 7 (0,5 điểm): Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của quyết định có cấu trúc:

a. Có tính thủ tục

b. Có tính lặp lại

c. Có quy trình rõ ràng

d. Cần đến sự đánh giá cũng như kinh nghiệm của cá nhân người ra quyết định

Câu 9 (0,5 điểm): Hệ hỗ trợ ra quyết định sử dụng thông tin nội bộ cũng như thông tin từ các nguồn bên ngoài?

e. Đúng

f. Sai

Câu 10 (0,5 điểm): Phần mềm bảng tính Excel cho phép các nhà quản lý xây dựng một mô hình định giá bán sản phẩm sao cho đạt được điểm hòa vốn. Công cụ được sử dụng trong trường hợp này là:

a. Data Analysis

b. Break Even Point

c. Goal Seek

d. Data Table

1

Câu 11 (0,5 điểm): ESS được thiết kế để phân tích dữ liệu thu thập từ các nguồn bên ngoài, nhưng cũng cần các thông tin được tổng hợp từ các hệ thống khác như TPS, MIS và DSS?

g. **Đúng**

h. Sai

Câu 1 (0,5 điểm): Quản lý vận hành chịu trách nhiệm chỉ đạo các hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp và do đó cần thông tin ở cấp độ giao dịch:

i. **Đúng**

j. Sai

Câu 2 (0,5 điểm): Các hệ thống sản xuất ở cấp độ tác nghiệp thường liên quan trực tiếp đến các mục tiêu sản xuất dài hạn của công ty, chẳng hạn như đặt nhà máy mới ở đâu?

g. **Đúng**

h. **Sai**

Câu 3 (0,5 điểm): Hệ thống xử lý giao dịch thường được sử dụng phổ biến nhất bởi cấp quản lý cao cấp của một tổ chức?

i. **Đúng**

j. **Sai**

Câu 4 (0,5 điểm): Một hệ thống xử lý giao dịch là một hệ thống máy tính thực hiện và ghi lại các giao dịch hàng ngày nhằm phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp?

e. **Đúng**

f. Sai

Câu 5 (0,5 điểm): Hệ thống xử lý giao dịch là hệ thống cơ bản phục vụ cấp tác nghiệp của tổ chức?

c) **Đúng**

d) Sai

Câu 6 (0,5 điểm): Các nhà quản lý cần hệ thống TPS để theo dõi tình trạng hoạt động nội bộ và mối quan hệ của công ty với môi trường bên ngoài?

a) **Đúng**

b) Sai

Câu 7 (0,5 điểm): Hầu hết các hệ thống MIS sử dụng mô hình toán học hoặc kỹ thuật thống kê?

a. **Đúng**

b. **Sai**

Câu 8 (0,5 điểm): Hệ thống hỗ trợ quyết định giúp người quản lý đưa ra quyết định không dễ dàng xác định được từ trước?

a. **Đúng**

b. Sai

Câu 10 (0,5 điểm): ESS được thiết kế để phục vụ cấp quản lý trung gian của tổ chức?

a. **Đúng**

b. **Sai**

1

